

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1592/2005/QĐ.UB

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 5 năm 2005



**QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

V/v Ban hành Quy định về quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của  
cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Nghị định 05/2000/ND-CP ngày 03/03/2000 của Chính phủ về xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam; và Thông tư 09/2000/TT-BCA(A18) ngày 7/6/2001 của Bộ Công an và Thông tư 04/2000/TT-BNG ngày 8/11/2000 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn về cấp, sửa đổi, bổ sung và quản lý hộ chiếu;
- Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-TU ngày 10/12/1998 của Bộ Chính trị quy định về nhiệm vụ của Đảng viên khi ra nước ngoài;
- Căn cứ Quyết định số 1615-QĐ/TU ngày 29/2/2000 của Ban Thường vụ tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại tờ trình số 1109/TT.SNV ngày 29 tháng 4 năm 2005;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**ĐIỀU 1.** Nay ban hành kèm theo quyết định này Quy định về quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bản quy định này gồm có 06 chương và 30 điều.

**ĐIỀU 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các quyết định ban hành quy định về thẩm quyền quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của CBCCVN nhân viên thuộc tỉnh sau đây của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu: Quyết định số 3005/2002/QĐ.UB ngày 23/4/2002; Quyết định số 9427/2002/QĐ.UB ngày 25/11/2002 và Quyết định số 4957/2003/QĐ.UB ngày 2/6/2003.

**ĐIỀU 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh, Giám đốc sở Tài chính tỉnh, Giám đốc công an tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, DNNN, Công ty TNHH một thành viên thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU  
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- VP CP, Bộ Nội vụ;
- TTr. Tỉnh ủy; TTr. HĐND tỉnh;
- Cục Lãnh sự; Sở Ngoại vụ TP HCM;
- Cục QL XNX (A18); Cục KTVB thuộc Bộ TPháp;
- VP Tỉnh ủy; Ban TCTU; ĐU khối DCD, KT;
- Các huyện ủy, thành ủy, thị ủy;
- Sở Tư pháp tỉnh; CA tỉnh (PA18); KBNN tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu.



Trần Minh Phan

## **QUY ĐỊNH**

### **VỀ Quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592/2005/QĐ.UB  
ngày 26 / 5 /2005 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu).

## **CHƯƠNG I:**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Quy định này quy định về các nội dung và thẩm quyền quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên (kể cả người trong diện hợp đồng dài hạn từ 1 năm trở lên) đang làm việc tại các tổ chức sau:

1. Cơ quan HĐND, UBND cấp tỉnh,
2. Cơ quan HĐND, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) và cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).
3. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.
4. Các cơ quan, tổ chức thuộc khối Đảng, Chính quyền, Mặt trận, Đoàn thể xã, phường, thị trấn.
5. Các tổ chức Hội được Nhà nước giao biên chế – quỹ lương.
6. Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích (gọi tắt là DNNN), Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi từ DNNN thuộc tỉnh (gọi tắt là CTy TNHH một thành viên).

**Điều 2.** Việc xuất cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên được nêu tại quy định này bao gồm xuất cảnh theo các mục đích sau:

1. **Xuất cảnh vì việc công:** cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên được cơ quan, đơn vị cử đi công tác, tham quan học tập, đào tạo bồi dưỡng ở nước ngoài.
2. **Xuất cảnh vì việc riêng:** cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên có nguyện vọng xin đi học tập, chữa bệnh, tham quan du lịch, thăm thân nhân ở nước ngoài.
3. **Xuất cảnh để định cư nước ngoài.**

**Điều 3.** Các cơ quan, đơn vị khi đề nghị cử hoặc cho phép cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên *xuất cảnh vì việc công* phải vừa đảm bảo tăng cường mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác phát triển lành mạnh giữa nước ta với nước ngoài trong các lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội vừa đảm bảo tình hình an ninh quốc gia.

**Điều 4.** Đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên xin đi xuất cảnh vì mục đích định cư nước ngoài thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đương sự đó có trách nhiệm lập thủ tục thôi việc và giải quyết mọi chế độ, chính

sách liên quan đến đương sự xin xuất cảnh trình cấp có thẩm quyền quyết định theo qui định hiện hành.

**Điều 5.** Việc sử dụng kinh phí cho mục đích xuất cảnh được quy định như sau:

1. Nghiêm cấm sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc công quỹ để chi cho mục đích xuất cảnh vì việc riêng.

2. Chỉ sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc công quỹ cho các trường hợp xuất cảnh vì việc công có mục đích rõ ràng, cần thiết và phù hợp với công tác chuyên môn của nhân sự được cử xuất cảnh trong các trường hợp cụ thể sau:

a. Đối với các cơ quan HĐND, UBND các cấp; Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (trừ sự nghiệp có thu tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động) thuộc tỉnh và các cơ quan, tổ chức thuộc khối Đảng, Chính quyền, Mặt trận, Đoàn thể xã, phường, thị trấn: Khi CBCCVC xuất cảnh vì việc công theo yêu cầu đột xuất hoặc theo chương trình kế hoạch hàng năm của tỉnh, theo thư mời của các cơ quan Bộ, Ngành có mục đích chuyên đi cụ thể và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị thì được ngân sách nhà nước đài thọ kinh phí theo quy định.

Việc sử dụng kinh phí từ nguồn thu được trích để lại theo quy định của các cơ quan hành chính hay đơn vị sự nghiệp để chi cho việc xuất cảnh vì việc công phải được sự đồng ý của UBND tỉnh.

b. Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động: kinh phí xuất cảnh được chi trong dự toán kế hoạch tài chính hàng năm của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c. Đối với DNNN, Công ty TNHH một thành viên thuộc tỉnh: kinh phí xuất cảnh được chi theo quy định về chế độ tài chính kế toán của doanh nghiệp trên cơ sở chương trình, kế hoạch đi công tác nước ngoài hàng năm của đơn vị. Khi sử dụng kinh phí để chi cho việc xuất cảnh vì việc công, đơn vị cần phải cân nhắc và lựa chọn đúng đối tượng, thành phần để cử đi; không được dùng công quỹ (toàn bộ hoặc một phần) để chi cho những cá nhân cùng đi không liên quan đến mục đích và nhiệm vụ của chuyến đi.

3. Các cơ quan được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ xin xuất cảnh có trách nhiệm xem xét cụ thể đối tượng xuất cảnh, mục đích chuyến đi và nguồn kinh phí xuất cảnh để giải quyết hoặc đề xuất UBND tỉnh giải quyết theo đúng quy định.

4. Cơ quan tài chính các cấp có liên quan chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh quyết toán các khoản chi của các đối tượng xuất cảnh theo đúng qui định, không được quyết toán kinh phí xuất cảnh không theo đúng quy định này và quy định về chế độ tài chính, kế toán hiện hành. Trong những trường hợp đặc biệt phải xin ý kiến của UBND tỉnh.

**Điều 6.** Số lần cử hoặc cho phép CB-CCVC, nhân viên xuất cảnh trong một năm được quy định như sau:

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh do nhu cầu cần thiết được phép xuất cảnh

vì việc công không quá 2 lần trong một năm, trong những trường hợp thật cần thiết có thể được phép xuất cảnh hơn 2 lần và phải có ý kiến đồng ý của UBND tỉnh, nhưng tổng số lần xuất cảnh không quá 3 lần trong năm.

2. Đối với cán bộ, viên chức, nhân viên công tác tại các DNNN, Công ty TNHH một thành viên thuộc tỉnh được phép xuất cảnh theo nhu cầu công tác của đơn vị, nhưng phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận của đơn vị.

## CHƯƠNG II: **THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHO PHÉP XUẤT CẢNH**

**Điều 7.** Chủ tịch UBND tỉnh xem xét và ký quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh *vì việc công hoặc vì việc riêng* đối với các đối tượng sau đây:

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh; Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
2. Chánh, Phó Chánh Văn phòng: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở; Trưởng, Phó cơ quan hành chính cấp tỉnh, Trưởng, Phó đơn vị sự nghiệp do UBND tỉnh trực tiếp quản lý; Trưởng, Phó các Ban HĐND tỉnh và Ủy viên thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh.
3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Nhà báo tỉnh, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Y học cổ truyền tỉnh,
4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh.
5. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng DNNN thuộc tỉnh.
6. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH một thành viên thuộc tỉnh.
7. Các chức danh khác do UBND tỉnh bổ nhiệm.
8. Công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.
9. Các đối tượng được UBND tỉnh cử sang làm việc tại các tổ chức xã hội, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam hoặc cử sang giữ phần vốn góp của nhà nước trong các công ty cổ phần, trong các doanh nghiệp liên doanh khác thuộc tỉnh.

**Điều 8.** Ngoài các đối tượng nêu tại điều 7 của quy định này, đối với việc cử hoặc cho phép xuất cảnh các đối tượng còn lại, Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền cho các cơ quan sau:

**1. Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh** xem xét và ký quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh *vì việc công hoặc vì việc riêng* đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị sau:

- Các đơn vị sự nghiệp do UBND tỉnh quản lý trực tiếp (kể cả đơn vị sự nghiệp trực thuộc đơn vị này).

- Các Hội Nhà báo tỉnh, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Y học cổ truyền tỉnh được Nhà nước giao biên chế – quỹ lương.

**2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh** xem xét và ký quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh vì việc công hoặc vì việc riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên đang làm việc tại:

- Sở, Cơ quan hành chính cấp tỉnh,
- Các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp do Sở, Cơ quan hành chính cấp tỉnh quản lý trực tiếp
- Các DNNN được UBND tỉnh ủy quyền cho Sở thực hiện chức năng quản lý Nhà nước.

**3. Chủ tịch UBND huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh** xem xét và ký quyết định cho phép xuất cảnh vì việc công và vì việc riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên đang làm việc tại:

- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch UBND huyện, thị, thành phố.
- Các cơ quan, tổ chức thuộc khối Đảng, Chính quyền, Mặt trận, Đoàn thể xã, phường, thị trấn (kể cả cán bộ không chuyên trách).
- Các tổ chức Hội cấp huyện được Nhà nước giao biên chế – quỹ lương (nếu có).

**Điều 9.** Công an tỉnh (qua Phòng PA 18) trực tiếp tiếp nhận, xem xét và trình cấp có thẩm quyền giải quyết cho các trường hợp có nhu cầu xuất cảnh để định cư nước ngoài, sau khi đương sự xin xuất cảnh đã hoàn tất các thủ tục quy định tại điều 4 của quy định này.

**Điều 10.** Công an tỉnh có trách nhiệm xem xét về mặt an ninh đối với tất cả các đối tượng xin xuất cảnh. Trường hợp phát hiện đương sự xin xuất cảnh thuộc diện chưa được phép xuất cảnh quy định tại điều 14 của Nghị định số 05/2000/NĐ-CP ngày 03/3/2000 của Chính phủ phải thông báo cho các cấp có thẩm quyền và cơ quan quản lý trực tiếp đương sự biết đồng thời thực hiện các thủ tục để đình chỉ xuất cảnh theo thẩm quyền.

### **CHƯƠNG III:**

#### **QUẢN LÝ NHÂN SỰ XUẤT CẢNH VÀ QUẢN LÝ HỘ CHIẾU**

**Điều 11.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đề nghị hoặc quyết định cho phép cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên xuất cảnh vì việc công hoặc việc riêng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nhân sự xuất cảnh. Việc mang tài liệu ra nước ngoài hoặc mang tài liệu từ nước ngoài về nước phải chấp hành đúng các quy định của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước.

**Điều 12.** Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên ra nước ngoài không về nước đúng hạn thì chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày quá hạn, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý nhân sự xuất cảnh đó phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xử lý vi phạm theo quy định hiện hành. Đồng thời Sở Nội vụ có trách nhiệm thông báo cho Công an tỉnh, Bộ Công

an (qua Cục Quản lý xuất nhập cảnh) và Bộ Ngoại giao (qua Sở Ngoại vụ TP.HCM) để biết và phối hợp quản lý.

Nếu nhân sự ở lại nước ngoài là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý nhân sự xuất cảnh có trách nhiệm báo cáo với cấp uỷ cùng cấp để xử lý theo qui định của điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Điều 13.** Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao trách nhiệm quản lý hộ chiếu phổ thông, công vụ và ngoại giao, cụ thể như sau:

1. **Sở Nội vụ tỉnh** có trách nhiệm tổ chức quản lý hộ chiếu của các đối tượng:

- Các đối tượng do UBND tỉnh ký quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh nêu tại điều 7 của quy định này.

- Các đối tượng do Giám đốc Sở Nội vụ ký quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh nêu tại khoản 1 điều 8 của quy định này.

2. **Các Sở, Các cơ quan hành chính cấp tỉnh** có trách nhiệm tổ chức quản lý hộ chiếu của các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên do Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan hành chính cấp tỉnh ký quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh được quy định tại khoản 2 điều 8 của quy định này.

3. **UBND huyện, <sup>Cấp h</sup> thị xã thành phố thuộc tỉnh** có trách nhiệm tổ chức quản lý hộ chiếu của các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên do Chủ tịch UBND huyện, thị, thành phố ký quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh được quy định tại khoản 3 điều 8 của quy định này.

**Điều 14.** Tất cả các cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc các đối tượng xuất cảnh theo quy định này, sau 7 ngày kể từ khi nhập cảnh về nước phải có trách nhiệm nộp lại hộ chiếu cho cơ quan quản lý hộ chiếu tại điều 13 của quy định này để quản lý.

Trong trường hợp hộ chiếu do đương sự đang giữ bị thất lạc phải kịp thời báo cho cơ quan quản lý hộ chiếu biết để báo cáo cho các cơ quan hữu quan theo quy định.

Những cá nhân không nộp lại hộ chiếu, không báo cáo khi mất hộ chiếu theo quy định trên là vi phạm pháp luật và bị xử lý vi phạm theo quy định của văn bản này và các quy định khác của pháp luật hiện hành về sử dụng hộ chiếu hộ chiếu.

**Điều 15.** Nội dung quản lý hộ chiếu:

Thủ trưởng các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý hộ chiếu có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Thu giữ và quản lý hộ chiếu của đương sự sau mỗi chuyến xuất cảnh.
2. Chỉ giao lại hộ chiếu cho các đối tượng xuất cảnh theo đúng quy định tại điều 16 của quy định này khi có quyết định cho phép xuất cảnh của cấp có thẩm quyền.
3. Phải thông báo ngay cho UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Công an tỉnh, Bộ Công an (qua Cục Quản lý xuất nhập cảnh) và Bộ Ngoại giao (qua Cục lãnh sự hoặc Sở

Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh) và cơ quan, đơn vị có đương sự xuất cảnh để phối hợp xử lý trong các trường hợp sau:

- Nhân sự xuất cảnh, sau khi nhập cảnh về nước cố tình không giao hộ chiếu cho cơ quan quản lý hộ chiếu.

- Khi hộ chiếu bị mất (báo để huỷ giá trị của hộ chiếu đó).

4. Làm thủ tục chuyển hộ chiếu (nếu hộ chiếu còn giá trị) của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên sang cho cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm quản lý hộ chiếu theo quy định nếu đương sự đó chuyển công tác đến cơ quan khác hoặc đơn vị của đương sự đó được chuyển sang cấp quản lý khác không thuộc phạm vi quản lý được quy định tại điều 13 của quy định này.

5. Làm thủ tục chuyển cho cơ quan có thẩm quyền cấp hộ chiếu để huỷ hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ khi cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên đã nghỉ hưu, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, và bị chết, bị mất tích...mà hộ chiếu đã cấp cho họ vẫn còn giá trị sử dụng (kể cả hộ chiếu phổ thông của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bị chết, bị mất tích).

6. Khi hộ chiếu còn thời hạn sử dụng từ 6 tháng trở xuống, phải ra thông báo cho đương sự có hộ chiếu biết để chủ động thay đổi hộ chiếu trong lần xuất cảnh tiếp theo.

7. Phải lập biên lai giao, nhận hộ chiếu, sổ quản lý hộ chiếu và quy định việc giao, nhận hộ chiếu rõ ràng, đầy đủ.

8. Thực hiện chương trình quản lý hộ chiếu bằng tin học đảm bảo khoa học và hiệu quả.

9. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình quản lý và sử dụng hộ chiếu định kỳ 6 tháng, năm và đột xuất theo điều 22 của quy định này.

**Điều 16.** Việc sử dụng hộ chiếu để xuất cảnh:

1. Những đối tượng khi xuất cảnh để thực hiện nhiệm vụ chính thức do cơ quan, tổ chức giao được sử dụng *hộ chiếu ngoại giao* để xuất cảnh, bao gồm:

- Bí thư, Phó bí thư Tỉnh ủy và Đại biểu Quốc hội của tỉnh,
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh,
- Vợ hoặc chồng, các con dưới 18 tuổi của những đối tượng trên nếu đi cùng hành trình công tác, cùng lưu trú ở nước ngoài với người đó.

2. Những đối tượng được sử dụng *hộ chiếu công vụ* để xuất cảnh trong các trường hợp sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước ra nước ngoài để thực hiện những công việc chính thức của các cơ quan Nhà nước.

- Cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước ra nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ chính thức thuộc phạm vi công tác của Đảng Cộng sản Việt nam, của các tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương.

- Cán bộ lãnh đạo từ cấp phòng trở lên của Doanh nghiệp Nhà nước ra nước ngoài để thực hiện những công việc chính thức của Doanh nghiệp.

- Cán bộ lãnh đạo Công ty TNHH một thành viên của Nhà nước được UBND tỉnh cử xuất cảnh để thực hiện nhiệm vụ chính thức do UBND tỉnh giao.

3. Những đối tượng không thuộc diện quy định tại khoản 1, khoản 2 của điều này được sử dụng *hộ chiếu phổ thông* để xuất cảnh vì việc công.

4. Tất cả các đối tượng CB-CCVC, nhân viên khi xuất cảnh vì việc riêng chỉ được sử dụng *hộ chiếu phổ thông* để xuất cảnh.

5. Trong một số trường hợp cần thiết, do nhu cầu nhiệm vụ và tính chất chuyển đi công tác, UBND tỉnh xem xét đề nghị Bộ Ngoại giao cấp hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ cho các đối tượng ngoài diện quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 16 của quy định này.

6. Việc cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc tỉnh sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông để xuất cảnh không đúng mục đích và không có quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép xuất cảnh là vi phạm quy định này và các quy định khác của luật pháp nước CHXHCN Việt Nam.

#### **CHƯƠNG IV:**

### **QUY TRÌNH, THỦ TỤC XỬ LÝ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XUẤT CẢNH**

#### **Điều 17. Xây dựng kế hoạch và phê duyệt kế hoạch xuất cảnh:**

1. Đối với việc *xuất cảnh vì việc công* có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước đều phải xây dựng kế hoạch xuất cảnh hàng năm và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kế hoạch xuất cảnh phải thể hiện đầy đủ mục đích, nội dung, chương trình cần khảo sát, nghiên cứu, học tập; thành phần, thời gian và nguồn kinh phí xuất cảnh.

2. **Các cơ quan hành chính cấp tỉnh, UBND huyện, thị, thành phố** có trách nhiệm xây dựng và tổng hợp kế hoạch xuất cảnh của CBCCC hành chính và viên chức sự nghiệp trong các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Thời gian xây dựng kế hoạch xuất cảnh năm sau phải hoàn thành và gửi về *Sở Nội vụ* tỉnh vào tháng 10 của năm trước.

3. **Các DNNN thuộc tỉnh** có trách nhiệm xây dựng kế hoạch xuất cảnh của đơn vị mình hàng năm ~~của đơn vị~~ để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Thời gian xây dựng kế hoạch xuất cảnh năm sau phải hoàn thành và gửi về *Sở Tài chính tỉnh* vào tháng 10 của năm trước.

4. **Sở Nội vụ tỉnh** có trách nhiệm:

- Chủ trì, Phối hợp với Sở Tài chính tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh xây dựng kế hoạch xuất cảnh.

- Tổng hợp kế hoạch xuất cảnh của các cơ quan, đơn vị gửi về.

- Chủ trì, phối hợp với sở Tài chính xem xét, thẩm định và tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch xuất cảnh của các *Các cơ quan hành chính cấp tỉnh, UBND huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh* vào cuối tháng 11 hàng năm.

5. **Sở Tài chính tỉnh** có trách nhiệm:

- Phối hợp với Sở Nội vụ tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh xây dựng kế hoạch xuất cảnh.

- Tổng hợp kế hoạch xuất cảnh của các cơ quan, đơn vị gửi về.

- Chủ trì, phối hợp với sở Nội vụ và các sở, cơ quan hành chính nhà nước được UBND tỉnh uỷ quyền thực hiện chức năng QLNN trực tiếp về tổ chức và nhân sự đối với DNNN xem xét, thẩm định và tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch xuất cảnh của *các DNNN* thuộc tỉnh vào cuối tháng 11 hàng năm.

6. Mọi đề nghị xuất cảnh vì việc công không có trong kế hoạch xuất cảnh được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm đều không được phép xuất cảnh. Trong những trường hợp đặt biệt phải được sự đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh.

Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị xuất cảnh nêu tại điều 18 của quy định này được quyền từ chối giải quyết cho những trường hợp xin xuất cảnh không nằm trong kế hoạch được duyệt khi chưa có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 18: Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị xuất cảnh:**

1. **Sở Nội vụ tỉnh** là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét giải quyết các thủ tục xuất cảnh đối với các đối tượng do Sở Nội vụ quản lý hộ chiếu nêu tại khoản 1 điều 13 của quy định này.

2. **Các Sở, Cơ quan hành chính cấp tỉnh** là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét giải quyết các thủ tục xuất cảnh đối với các đối tượng do các Sở, Cơ quan hành chính cấp tỉnh quản lý hộ chiếu nêu tại khoản 2 điều 13 của quy định này.

3. **Phòng Tổ chức - LĐTB XH thuộc UBND huyện, thị, thành phố** là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét giải quyết các thủ tục xuất cảnh đối với các đối tượng do các UBND huyện thị, thành phố tổ chức và quản lý hộ chiếu nêu tại khoản 3 điều 13 của quy định này.

4. **Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh (PA18)** là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét, giải quyết các thủ tục xuất cảnh đối với các trường hợp được quy định tại điều 9 của quy định này.

**Điều 19.** Quy trình xử lý hồ sơ xuất cảnh tại cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ xin xuất cảnh:

**Bước 1:** Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ xin xuất cảnh khi nhận đầy đủ các loại giấy tờ xin xuất cảnh được nêu tại điều 21 của quy định này, có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch xuất cảnh được phê duyệt hàng năm để xem xét và *không quá 03 ngày làm việc* kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, phải xử lý như sau:

- **Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:** thì tiến hành gửi thông báo bằng văn bản về việc đương sự xin xuất cảnh đến Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh – Bộ Công an và Công an tỉnh để các cơ quan trên biết và xử lý theo chức năng đã nêu tại điều 10 của quy định này và gửi UBND tỉnh, sở Nội vụ để theo dõi quản lý; đồng thời lập thủ tục trình cấp thẩm quyền quyết định hoặc ra quyết định cử, cho phép đương sự xuất cảnh theo quy định, trong đó chú ý các trường hợp sau:

- *Đối với trường hợp phải có ý kiến của Thường trực tỉnh ủy:* thì lập công văn của UBND tỉnh xin ý kiến của Thường trực tỉnh ủy.

- *Đối với các trường hợp có sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước hoặc công quỹ phải xin ý kiến của UBND tỉnh:* thì lập văn bản trình UBND tỉnh để xin ý kiến về kinh phí.

- **Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết:** thì tiến hành lập văn bản trả lời cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết hoặc thảo văn bản báo cáo UBND tỉnh để UBND tỉnh trả lời đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh. Trong đó chú ý đến trường hợp sau:

Nếu đề nghị xuất cảnh không nằm trong kế hoạch được phê duyệt hàng năm, cơ quan thụ lý hồ sơ cần xem xét cụ thể, nếu thấy hợp lý thì lập văn bản trình UBND tỉnh xin ý kiến (đồng thời soạn thảo văn bản cho phép của UBND tỉnh kèm theo); trường hợp xét thấy không hợp lý thì thảo văn bản trả lời trực tiếp cho đơn vị đề nghị.

Bước 2: Đối với các trường hợp phải xin ý kiến UBND tỉnh về kinh phí hoặc trình UBND tỉnh văn bản xin ý kiến Thường trực tỉnh ủy, thì sau không quá **01 ngày làm việc** kể từ khi nhận được văn bản đồng ý về kinh phí của UBND tỉnh hoặc văn bản đồng ý của Thường trực tỉnh ủy thì cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ xin xuất cảnh thảo quyết định trình UBND tỉnh hoặc ra quyết định cử, cho phép đương sự xuất cảnh theo quy định.

Trường hợp Ban TVTU không đồng ý hoặc UBND tỉnh không đồng ý về kinh phí thì thảo văn bản trả lời cho đơn vị đề nghị xuất cảnh được biết.

**Điều 20.** Thời gian hoàn thành việc xử lý hồ sơ đề nghị xuất cảnh:

Ngoài việc thực hiện theo đúng quy trình nêu tại điều 19 trên, thì thời gian hoàn thành việc xử lý hồ sơ xuất cảnh phải theo đúng các quy định sau:

1. Đối với các đối tượng do UBND tỉnh quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh **không quá 08 ngày làm việc/1 lượt** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nêu tại điều 21 của Quy định này (không kể thời gian chờ ý kiến của Thường trực tỉnh ủy và ý kiến về kinh phí của UBND tỉnh), trong đó:

- a. Sở Nội vụ tỉnh xử lý hồ sơ đề trình UBND tỉnh trong thời gian **không quá 03 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cá nhân, đơn vị.

- b. UBND tỉnh xử lý và ban hành quyết định cho phép hoặc trả lời không cho phép hoặc ký văn bản xin ý kiến của Thường trực tỉnh ủy **không quá 05 ngày làm việc** kể từ ngày các cơ quan được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ trình ký.

2. Đối với các đối tượng do Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan hành chính cấp tỉnh quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh: *không quá 04 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cá nhân, đơn vị (không kể thời gian chờ ý kiến về kinh phí của UBND tỉnh).

**Điều 21.** Hồ sơ đề nghị xin xuất cảnh gửi cho các cơ quan được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ xuất cảnh phải đầy đủ các loại giấy tờ hợp lệ sau đây và phải gửi trước thời điểm xuất cảnh ít nhất là **13** ngày làm việc (đối với những đối tượng có hộ chiếu còn giá trị), ít nhất là **17** ngày làm việc (đối với những đối tượng chưa có hộ chiếu hoặc hộ chiếu còn giá trị từ 6 tháng trở xuống):

1. Bản chính công văn đề nghị của Thủ trưởng đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên xin xuất cảnh.

2. Bản chính công văn đồng ý của các cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp (thủ tục này chỉ có trong những trường hợp xuất cảnh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Giám đốc Sở nội vụ), cụ thể như sau:

- Đơn vị sự nghiệp do UBND tỉnh trực tiếp quản lý: nếu đơn vị đề nghị là các đơn vị sự nghiệp trực thuộc của tổ chức này.

- Sở hoặc cơ quan hành chính cấp tỉnh: nếu đơn vị đề nghị là các đơn vị sự nghiệp trực thuộc hoặc DNNN được UBND tỉnh uỷ quyền sơ sở thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trực tiếp về tổ chức và nhân sự.

- UBND huyện nếu đơn vị đề nghị là các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, DNNN thuộc huyện.

3. Bản chính đơn xin xuất cảnh của cá nhân (đối với trường hợp xuất cảnh vì việc riêng).

4. Bản chính thư mời hoặc các văn bản khác có liên quan đến mục đích xuất cảnh (nếu các văn bản trên viết bằng ngôn ngữ nước ngoài, phải kèm theo bản dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật xác nhận theo quy định).

5. Ý kiến đồng ý bằng văn bản của cấp ủy quản lý trực tiếp nếu đối tượng xin xuất cảnh là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, cụ thể như sau:

a. Của Thường trực Tỉnh uỷ đối với các đối tượng sau đây:

+ Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

+ Chánh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp do UBND tỉnh trực tiếp quản lý; Trưởng các Ban Hội đồng Nhân dân tỉnh;

+ Chủ tịch Hội Nhà báo tỉnh, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Y học cổ truyền tỉnh.

+ Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND, HĐND các huyện, thành phố, thị xã.

+ Giám đốc Doanh nghiệp Nhà nước hạng I, hạng II.

b. Của Ban Thường vụ Đảng ủy khối nếu Đảng viên là thành viên Ban chấp hành Đảng bộ khối, là cấp ủy viên các tổ chức cơ sở Đảng, Chủ nhiệm và Phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra (trừ các chức danh nêu tại điểm a khoản 5 điều 21 của quy định này).

c. Của cấp ủy cơ sở Đảng nơi Đảng viên đang sinh hoạt và công tác đối với các đối tượng còn lại ngoài các đối tượng nêu tại điểm a và b khoản 5 điều 21 của quy định này.

## CHƯƠNG V

### **BÁO CÁO, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 22. Chế độ báo cáo:**

1. Những cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên sau khi có quyết định cho phép xuất cảnh của cấp có thẩm quyền, nếu không xuất cảnh theo quyết định đó, phải có trách nhiệm báo cáo ngay với cơ quan ra quyết định để huỷ quyết định xuất cảnh theo quy định.

2. Tất cả các cá nhân, các đoàn xuất cảnh vì việc công sau khi hoàn tất chuyến đi trong vòng **07 ngày làm việc** phải báo cáo kết quả chuyến đi cho UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Công an tỉnh, và các Sở, các cơ quan hành chính cấp tỉnh được ủy quyền xử lý hồ sơ xuất cảnh.

3. Đối với cá nhân là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam sau khi về nước thì phải chấp hành việc báo cáo về thi hành nhiệm vụ của Đảng viên và tình hình sinh hoạt Đảng ở nước ngoài cho cấp ủy quản lý trực tiếp theo quy định về nhiệm vụ của Đảng viên khi ra nước ngoài của Bộ Chính trị.

4. Cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ xuất cảnh có trách nhiệm sau **02 ngày làm việc** kể từ ngày hết thời hạn báo cáo kết quả chuyến xuất cảnh hoặc giao nộp hồ chiếu theo quy định thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị có nhân sự xuất cảnh khi về nước không chấp hành quy định này để phối hợp xử lý.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh ủy quyền quyết định cho phép cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên xuất cảnh quy định tại điều 8 của quy định này có trách nhiệm gửi quyết định cử hoặc cho phép đương sự xuất cảnh về Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ tỉnh ủy quản lý), Sở Ngoại vụ tỉnh, Công an tỉnh, Cục quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an và Sở Ngoại vụ TP.HCM để quản lý, theo dõi (gửi mỗi nơi 1 bản).

6. Định kỳ tháng, quý, 06 tháng, 01 năm Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ xuất cảnh quy định tại điều 18 của quy định này có trách nhiệm tổng hợp, thống kê, báo cáo về tình hình và số lượng nhân sự xuất cảnh, tình hình quản lý và sử dụng hộ chiếu của các đối tượng xuất cảnh gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp.

7. Sở Nội vụ tỉnh có trách nhiệm tổng hợp báo cáo thống kê về số lượng CBCC, VC, nhân viên thuộc tỉnh xuất cảnh, nhập cảnh và tình hình quản lý, sử dụng hộ chiếu xuất cảnh theo quy định để báo cáo UBND tỉnh, Bộ ngoại giao (qua Cục lãnh sự), Bộ Công an (qua Cục quản lý xuất nhập cảnh), đồng thời gửi Sở Ngoại vụ tỉnh, Công an tỉnh, Ban Tổ chức tỉnh ủy để quản lý.

**Điều 23.** Việc xem xét, quyết định cho phép xuất cảnh và quản lý nhân sự, quản lý hộ chiếu xuất cảnh phải tuân thủ theo các điều khoản của bản Quy định này. Mọi trường hợp vi phạm tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật về mặt hành chính từ hình thức **cảnh cáo trở lên** hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Công an tỉnh, Sở Nội vụ, các Sở, cơ quan hành chính cấp tỉnh và các cơ quan hữu quan theo chức năng được giao có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi tổng hợp, báo cáo và kịp thời phát hiện các trường hợp vi phạm để xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

**Điều 24.** Cán bộ công chức, viên chức, nhân viên ngoài việc bị xử lý kỷ luật về mặt hành chính theo quy định sẽ không được giải quyết cho lần xuất cảnh tiếp theo trong trường hợp sau:

- Đang trong thời hạn bị xem xét xử lý kỷ luật về mặt hành chính.
- Trong thời gian sau từ 01 đến 05 năm tùy theo tính chất vi phạm kỷ luật kể từ khi có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền.

**Điều 25. Thẩm quyền và trình tự xử lý kỷ luật:**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có CBCC-VC, nhân viên xuất cảnh vi phạm các quy định trên phải kịp thời tiến hành xử lý kỷ luật hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành về thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật:

a. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được thực hiện theo Pháp lệnh cán bộ công chức và các văn bản khác có liên quan.

b. Đối với Cán bộ lãnh đạo DNNN, Công ty TNHH một thành viên của Nhà nước và các cán bộ được UBND tỉnh cử sang quản lý phần vốn của Nhà nước tại các công ty cổ phần, các doanh nghiệp liên doanh khác thì thực hiện quy trình xử lý kỷ luật theo quy định tại điểm a khoản 2 điều này.

c. Đối với nhân viên hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ.CP trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và người lao động trong doanh nghiệp ~~theo~~ được thực hiện theo quy định của các văn bản có liên quan hướng dẫn thi hành Bộ Luật lao động.

3. Trách nhiệm của cơ quan ra quyết định xử lý kỷ luật: kịp thời thông báo kết quả và quyết định xử lý kỷ luật cho UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Ban Tổ chức tỉnh ủy, Công An tỉnh và các cơ quan hữu quan (Sở Ngoại vụ tỉnh, Sở Ngoại vụ TP. HCM, Cục quản lý xuất Nhập cảnh - Bộ Công an) được biết.

**CHƯƠNG VI**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 26.** Chủ tịch UBND huyện, <sup>cấp 4</sup> thị, thành phố, Thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện quy định này và có trách nhiệm kiểm tra các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý đối với việc thực hiện các nội dung quản lý xuất nhập cảnh theo quy định.

**Điều 27.** Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm lập thủ tục trình UBND tỉnh ký văn bản thông báo phạm vi ủy quyền, giới thiệu về mẫu con dấu của các cơ quan, chữ ký và chức danh của người có thẩm quyền ký quyết định cử hoặc cho phép đương sự xuất cảnh tại điều 7 và điều 8 của quy định này đến Bộ Ngoại giao, Sở Ngoại vụ TP.HCM, Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh – Bộ Công an và Công an tỉnh.

**Điều 28.** Sở Nội vụ tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị được ủy quyền ra quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh, được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ xuất cảnh và quản lý hộ chiếu quy định tại các điều 8, điều 13 và điều 18 của quy định này về các mẫu văn bản liên quan đến quy trình, thủ tục giải quyết xuất cảnh và các biểu mẫu thống kê, báo cáo theo định kỳ, đột xuất về tình hình, số lượng nhân sự xuất cảnh, tình hình quản lý và sử dụng hộ chiếu theo quy định.

**Điều 29 :** Trong thời gian chờ Tỉnh ủy ban hành Quy định riêng cho CBCCVV thuộc cơ quan Đảng, Đoàn thể đi nước ngoài, thì việc giải quyết thủ tục xuất cảnh cho các đối tượng này tạm thời do UBND tỉnh hoặc Sở Nội vụ giải quyết theo quy định tại Quyết định này cho đến khi có quy định chính thức của Tỉnh ủy.

**Điều 30.** Quy định này được bổ sung, thay đổi khi không còn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và các văn bản quy phạm pháp luật về thẩm quyền quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh./.

**TM. UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**  
**CHỦ TỊCH**



*Trần Minh Sơn*